

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 09-8-2022

V/v: “Tranh chấp chia tài sản
sau ly hôn và thực hiện nghĩa vụ
dân sự hoàn lại”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Văn Tâm.

Các Thẩm phán: bà Nguyễn Thị An Tiên;
bà Dương Thúy Hằng.

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03, 9 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2022/TLPT-HN, ngày 13 tháng 6 năm 2022, về tranh chấp chia tài sản sau ly hôn và thực hiện nghĩa vụ dân sự hoàn lại.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Dương Thị Ng, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ 4, ấp X, xã S D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ 4, ấp X, xã S D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Người kháng cáo: anh Nguyễn Thành Đ - nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 5 năm 2020 và đơn khởi kiện bổ sung lập ngày 06 tháng 11 năm 2020, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chị Dương Thị Ng trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thành Đ trước đây là vợ chồng kết hôn năm 1999 và đã ly hôn theo Bản án số 73/2019/HNGĐ-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Khi ly hôn vợ chồng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án chia các tài sản chung của chị và anh Đ gồm:

- Thửa đất 177, tờ bản đồ số 49 diện tích 9.948,8m², trên đất có 440 cây cao su;
- Thửa đất 384, tờ bản đồ số 49 diện tích 5.614,7m², trên đất có 340 cây cao su;
- Thửa đất 165, tờ bản đồ số 25 diện tích 3.995m², trên đất có 176 cây cao su;
- Thửa đất 595, tờ bản đồ số 29 diện tích 1.612,1m²; trên đất có 100 cây cao su;
- Thửa đất 41, tờ bản đồ số 58, diện tích 527,1m²; trên đất có trên đất có xây 01 căn nhà cấp 4 và các vật dụng trong nhà, cây lâu năm trồng trên đất.

Tất cả các phần đất nêu đều tọa lạc tại ấp X, xã S D, huyện Tân Châu và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) do **chị và anh Đ** đứng tên.

- Tiền mặt 200.000.000 đồng do bán xe ô tô Toyota biển số 70A – 07016 hiện anh Đ đang giữ.

Chị Ng yêu cầu chia số tài sản nêu trên theo quy định của pháp luật. Đối với phần đất thổ cư thửa 41 do cha mẹ chị Ng cho chị yêu cầu được chia 70%. Ngoài ra, khi còn sống chung vợ chồng có vay Ngân hàng Vietcombank số tiền 450.000.000 đồng, khi vợ chồng làm thủ tục ly hôn chị đã trả ngân hàng xong, nên yêu cầu anh Đ hoàn trả lại cho chị ½ số tiền 450.000.000 đồng và tiền lãi là 30.000 đồng/01 triệu đồng/01 tháng cho đến ngày xét xử.

Anh Nguyễn Thành Đ trình bày: Thừa nhận lời trình bày của chị Ng về số tài sản là đất đai, số lượng cây cao su, nhà và tài sản trong nhà là đúng.

Anh đồng ý chia đôi tất cả tài sản chung. Đối với phần đất thổ cư thửa 41 do cha mẹ chị Ng cho chị yêu cầu được chia 70% anh không đồng ý. Riêng tiền bán xe ô tô anh đã giao cho chị Ng để trả Ngân hàng. Đối với số nợ vay Ngân hàng Vietcombank số tiền 450.000.000 đồng vợ chồng đã trả xong trước khi ly hôn nên anh không đồng ý hoàn lại theo yêu cầu của chị Ng.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 27/2022/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

- Căn cứ vào các Điều 27, 33, 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với tài sản là Quyền sử dụng đất tại thửa số 489 tờ bản đồ số 59 diện tích 16.600,3m² đất tọa lạc tại xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Ng về tranh chấp tài sản sau khi ly hôn đối với anh Nguyễn Thành Đ.

2.1. Giao anh Nguyễn Thành Đ được quyền sử dụng quyền sử dụng đất và sở hữu các tài sản gồm:

- Một phần đất có tứ cận: Đông giáp thửa số 178 dài 55,75; thửa số 88 dài 4,55m; Tây giáp đường đất dài 56,47m; Nam giáp đất chị Ng được chia dài 83,78m; Bắc giáp thửa số 384 dài 94,16m; tổng diện tích 5.085 m², trị giá 381.375.000 đồng, trên đất có 220 cây cao su trị giá 55.000.000 đồng, đất nằm trong diện tích 9.948,8 m², thửa đất 177, tờ bản đồ số 49.

- Một phần đất có tứ cận: Đông giáp thửa số 88 dài 30,29m; Tây giáp đường đất dài 29,58m; Nam giáp thửa số 177 dài 94,16m; Bắc giáp đất chị Ng được chia dài 93,76m; tổng diện tích 2.813,7m², trị giá 211.027.500 đồng, trên đất có 170 cây cao su trị giá 42.500.000 đồng, đất nằm trong diện tích 5.614,7m², tại thửa đất 384, tờ bản đồ số 49.

- Một phần đất có tứ cận: Đông giáp đường đất dài 44,80m; Tây giáp thửa số 564 dài 44,80m; Nam giáp thửa số 188 dài 44,19m; Bắc giáp đất chị Ng được chia dài 44,19m; tổng diện tích 1.988,20m², trị giá 149.115.000 đồng, trên đất có 88 cây cao su trị giá 22.000.000 đồng, đất nằm trong diện tích 3.995m², thửa đất 165, tờ bản đồ số 25 (nay là thửa số 565, tờ bản đồ số 49).

- Một phần đất có tứ cận: Đông giáp thửa số 12 dài 46,72m; Tây giáp đất chị Ng được chia dài 46,17m; Nam giáp đường đất dài 22,04m; Bắc giáp thửa số 9 dài 10,22m+ thửa số 10 dài 10,32m; tổng diện tích 991,3m²; trị giá 89.2017.000 đồng, trên đất có 50 cây cao su trị giá 12.500.000 đồng, đất nằm trong diện tích 1.612,1m², thửa đất 595, tờ bản đồ số 29 (thửa mới số 11, tờ bản đồ số 58).

* Sở hữu tài sản vật dụng trong nhà gồm: 01 máy điều hòa (máy lạnh) 01 ngựa hiệu LG, 01 dàn karaok gồm: 02 loa, 01 âm ly, 01 tivi 32inh, hiệu TOSHIBA, 01 máy giặt hiệu TOSHIBA 07kg, 01 cái giường bằng gỗ cây trầm, có kích thước ngang 1,6m x dài 2,2m, 01 cây tủ đựng tivi bằng gỗ ván ép, có kích thước ngang 2,2m, cao 2,3m; 01 bộ bàn ghế salon bằng gỗ gồm: 01 bàn, 01 băng ghế dài, 02 cái ghế dựa, 02 cái ghế không có tựa lưng; 01 xe mô tô nhãn hiệu ANGEL biển số 70F9-9666; các loại tài sản vật dụng trong nhà tổng cộng là 40.600.000 đồng.

2.2. Buộc anh Nguyễn Thành Đ giao cho chị Dương Thị Ng được quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất gồm:

- Một phần đất có tứ cận: Đông giáp thửa số 178 dài 60,20m; Tây giáp đường đất dài 56,40m; Nam giáp thửa số 186 dài 40,40m; thửa số 185 dài 24,50m; thửa số 184 dài 9,58m; thửa số 183 dài 9,30m; Bắc giáp đất anh Đ được chia dài 83,78m; tổng diện tích 4.863,8m²; trị giá 364.785.000 đồng, trên đất có 220 cây cao su trị giá 55.000.000 đồng, đất nằm trong diện tích 9.948,8m², thửa đất 177, tờ bản đồ số 49.

- Một phần đất có tứ cận: Đông giáp thửa số 88 dài 30,28m; Tây giáp đường đất dài 29,59m; Nam giáp đất anh Đ được chia dài 93,76m; Bắc giáp thửa số 87 dài 93,36m; tổng diện tích 2.801m²; trị giá 210.075.000 đồng, trên đất có 170 cây cao su trị giá 42.500.000 đồng, đất nằm trong diện tích 5.614,7m², tại thửa đất 384, tờ bản đồ số 49.

- Một phần đất có tứ cận: Đông giáp đường đất dài 44,80m; Tây giáp thửa số 564 dài 44,80m; Nam giáp đất anh Đ được chia dài 44,60m; Bắc giáp thửa số 343 dài 45,02m; tổng diện tích 2.006,8m²; trị giá 150.510.000 đồng, trên đất có 88 cây cao su trị giá 22.000.000 đồng, đất nằm trong diện tích 3.995m², thửa đất 165, tờ bản đồ số 25, (nay là thửa số 565, tờ bản đồ số 49).

- Một phần đất có tứ cận: Đông giáp đất anh Đ được chia dài 46,17m; Tây giáp thửa số 6 dài 45,62m; Nam giáp đường đất dài 22,04m; Bắc giáp thửa số 7 dài 03m; thửa số 8 dài 6,02m; thửa số 9 dài 11,49m; tổng diện tích 982,0m²; trị giá 88.380.000 đồng, trên đất có 50 cây cao su trị giá 12.500.000 đồng, đất nằm trong diện tích 1.612,1m², thửa đất 595, tờ bản đồ số 29, (thửa mới số 11, tờ bản đồ số 58).

- Một phần đất có tứ cận: Đông giáp thửa số 40 dài 44,65m; Tây giáp thửa số 42 dài 44,74m; Nam giáp đường DT 795 dài 11,79m; Bắc giáp thửa số 45 dài 11,80m; tổng diện tích 527,1m², trị giá 1.945.350.000 đồng, đất nằm trong diện tích 527,1m², thửa đất 41, tờ bản đồ số 58, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4, nền gạch bông, cửa sắt, lợp tol, có diện tích ngang 09m, dài 23m; tổng diện tích 207m²; 01 mái che tự chế bằng sắt, lợp tol, ngang 09m, dài 2,2m = 19,8m²; 01 hàng rào phân chân xây gạch cao 0,4m, phía trên là khung sắt cao 2,2m, chiều dài 11,79m = 30,6m²; 01 tường rào xây gạch cao 1,8m x chiều dài 44,74m = 80,53m²; cây lâu năm gồm: 01 cây xoài trên 10 năm tuổi 01 cây dừa; 01 cây sầu riêng 07 năm tuổi; 01 cây vú sữa 04 năm tuổi; 10 cây cao kiểng cao; tổng trị giá 01 căn nhà, mái che, hàng rào và cây trồng trên đất là 700.000.000 đồng.

* Sở hữu tài sản vật dụng trong nhà gồm: 01 máy điều hòa (máy lạnh) 01 ngựa, hiệu LG; 01 dàn máy vi tính gồm: loa, máy tính, bàn phím, chuột; 01 tivi 32inh, hiệu TOSHIBA; 01 tủ lạnh hiệu TOSHIBA dung tích 120 lít; 01 tủ quần áo ngang 1,8 mét, cao 2,3 mét bằng gỗ ván; 01 tủ đựng tivi Ngng 2,2 mét, cao 2,2 mét bằng gỗ ván; 01 giường gỗ tràm ngang 2,2 mét, cao 2,2 mét bằng gỗ ván; 01 giường gỗ tràm ngang 2,2 mét, cao 2,2 mét bằng gỗ ván; 01 bộ bàn ăn

bằng Inox mặt kính ngang 0,8 mét, dài 2,2 mét cùng 06 ghế dựa; 01 bộ bàn ghế dài bằng gỗ sò ngang 0,9 mét, dài 2,2 mét và 08 ghế bằng gỗ; 01 bồn chứa nước bằng Inox 1.500 lít; 01 máy nước nóng năng lượng mặt trời 130 lít; các loại tài sản vật dụng trong nhà tổng cộng là 27.500.000 đồng.

2.3. Buộc anh Nguyễn Thành Đ có nghĩa vụ trả cho chị Dương Thị Ng 466.632.500 (bốn trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn năm trăm) đồng (gồm: 100.000.000 (một trăm triệu) đồng trị giá $\frac{1}{2}$ giá trị xe ô tô và $\frac{1}{2}$ tiền trả ngân hàng là 225.000.000 đồng và tiền lãi 135.082.500 đồng, tiền chênh lệch tài sản trong nhà 6.550.000 đồng).

2.4. Buộc anh Nguyễn Thành Đ có nghĩa vụ trả cho chị Dương Thị Ng 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng tiền chi phí đo đạc định giá.

2.5. Buộc chị Dương Thị Ng có nghĩa vụ giao lại cho anh Nguyễn Thành Đ sở hữu số tiền 1.128.140.000 (một tỷ một trăm hai mươi tám triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng (gồm: 40% giá trị đất và 50% giá trị nhà và tài sản trên đất tại căn nhà).

Sau khi khấu trừ chị Dương Thị Ng được sở hữu, sử dụng tài sản trị giá 2.957.092.500 (hai tỷ chín trăm năm mươi bảy triệu không trăm chín mươi hai nghìn năm trăm) đồng. Anh Nguyễn Thành Đ được sở hữu, sử dụng tài sản trị giá 1.664.842.000 (một tỷ sáu trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn) đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 17/5/2022, anh Nguyễn Thành Đ kháng cáo, không chấp nhận trả cho chị Dương Thị Ng 466.632.500 đồng, trong đó chia chị Ng số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng trị giá $\frac{1}{2}$ giá trị xe ô tô và $\frac{1}{2}$ tiền trả ngân hàng là 225.000.000 đồng và tiền lãi 135.082.500 đồng (tính lãi từ ngày 01/5/2019 đến ngày 06/5/2022 là 36 tháng 5 ngày với lãi suất 1,66%/tháng), lý do vợ chồng anh có nợ Ngân hàng 450.000.000 đồng đã trả trước khi ly hôn 300.000.000 đồng còn nợ 150.000.000 đồng. Chiếc xe ô tô anh bán trong thời kỳ hôn nhân đã giao tiền bán xe cho chị Ng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: anh Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, chị Ng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày:

Anh Đ trình bày: đất và vật dụng anh chấp nhận chia theo án sơ thẩm (không kháng cáo), đối với số tiền bán xe sau khi vợ anh nộp đơn ly hôn thì ngày 28/6/2019 anh bán xe ô tô Toyota biển số 70A – 07016 cho anh Lư người Campuchia, bán không làm giấy tờ giá 200.000.000 đồng, đưa tiền cho chị Ng trả Ngân hàng, đối với số tiền trả Ngân hàng anh và chị Ng đến Ngân hàng Vietcombank trả 300.000.000 đồng nhưng anh đứng ngoài chị Ng vào trả nên

anh không có chứng cứ trả tiền.

Chị Ng trình bày: anh Đ bán xe ô tô trên sau khi chị và anh Đ đã ly thân, Tòa án đang thụ lý giải quyết, chị yêu cầu anh Đ đưa tiền nhưng anh Đ không đồng ý. Đối với tiền trả Ngân hàng do chị vay người khác trả chứ anh Đ không có đưa tiền cho chị trả.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa một phần án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần kháng cáo của anh Đ, đề nghị buộc anh Đ phải chia cho chị Ng số tiền bán xe ô tô 100.000.000 đồng, anh Đ phải trả cho chị Ng $\frac{1}{2}$ của số tiền vay Ngân hàng gốc 450.000.000 đồng và lãi suất là 20.674.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh lại án phí cho phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện Kiểm sát, xét kháng cáo của anh Nguyễn Thành Đ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Nguyễn Thành Đ kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp chia tài sản sau ly hôn là đúng nhưng trong vụ án này chị Ng có yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị số tiền mà chị đứng ra trả Ngân hàng sau khi vợ chồng ly thân nên cấp phúc thẩm bổ sung quan hệ tranh chấp là chia tài sản sau ly hôn và thực hiện nghĩa vụ dân sự hoàn lại cho đúng tính chất vụ án.

[2] Về nội dung: chị Dương Thị Ng và anh Nguyễn Thành Đ là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Bản án số 73/2019/HNGĐ-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Nay chị Ng có yêu cầu chia các tài sản chung gồm các phần đất, nhà và vật dụng trong nhà, tiền bán xe ô tô 200.000.000 đồng và yêu cầu anh Đ phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả $\frac{1}{2}$ số tiền chị Ng đã một mình trả cho ngân hàng Vietcom bank trong thời gian vợ chồng ly thân. Cấp sơ thẩm đã giải quyết phân chia tài sản gồm các phần đất, nhà, vật dụng trong nhà, anh chị đều đồng ý và không có kháng cáo. Anh Đ chỉ kháng cáo không đồng ý hoàn trả chị Ng số tiền chị Ng đã trả nợ ngân hàng, không đồng ý chia tiền bán xe ô tô.

[3] Xét yêu cầu của anh Đ thấy rằng:

[3.1] Sau khi chị Ng và anh Đ ly thân, Tòa án đang thụ lý giải quyết ngày 13/5/2019, thì ngày 28/6/2019 anh Đ đã bán xe ô tô Toyota biển số 70A – 07016 là tài sản chung của anh và chị Ng với giá tiền là 200.000.000 đồng, anh Đ cho rằng đưa tiền cho chị Ng nhưng không đề xuất được chứng cứ chứng minh nên cấp sơ thẩm buộc anh Đ có nghĩa vụ chia cho chị Ng $\frac{1}{2}$ số tiền bán xe ô tô là 100.000.000 đồng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận phần kháng cáo này của anh Đ.

[3.2] Đối với số tiền 450.000.000 đồng anh chị nợ Ngân hàng Vietcombank trong thời gian anh Đ, chị Ng chung sống thể hiện tại các Hợp đồng tín dụng số 0073 ngày 06/7/2018, số tiền 50.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 0046 ngày 13/9/2018, số tiền 250.000.000 đồng và Hợp đồng tín dụng số 0068 ngày 22/01/2019, số tiền 150.000.000 đồng. Sau khi chị Ng nộp đơn ly hôn Tòa án đang thụ lý giải quyết chị Ng đã một mình trả nợ cho Ngân hàng từ ngày 03/5/2019 (ngày chị Ng nộp đơn khởi kiện ly hôn tại Tòa án) đến ngày 04/11/2019 (ngày chị Ng thanh lý xong các hợp đồng tín dụng) số tiền gốc là 450.000.000 đồng tiền lãi là 20.674.698 đồng tổng cộng là 470.674.698 đồng thể hiện tại các chứng từ sao kê do Ngân hàng Vietcombank cung cấp và ba hóa đơn thanh toán nợ gốc ngày 07/6/2019; 8/8/2019 và 04/11/2019. Anh Đ cho rằng đã cùng chị Ng đến ngân hàng trả 300.000.000 đồng chị Ng không thừa nhận, anh Đ cũng không có chứng cứ chứng minh việc anh đưa tiền cho chị Ng trả Ngân hàng nên anh Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Ng $\frac{1}{2}$ của số tiền 470.674.698 đồng/2 = 235.337.349 đồng, trong đó tiền gốc vay 225.000.000 đồng tiền lãi là 10.337.349 đồng phù hợp tại Điều 288 của Bộ luật Dân sự. Cấp sơ thẩm buộc anh Đ hoàn trả cho chị Ng tiền gốc vay 225.000.000 đồng và tiền lãi 135.082.500 đồng (tính lãi từ ngày 01/5/2019 đến ngày 06/5/2022 là 36 tháng 5 ngày với lãi suất 1,66%/tháng) là không đúng pháp luật vì anh Đ không phải là người vay tiền của chị Ng. Do đó, yêu cầu kháng cáo này của anh Đ được chấp nhận một phần. Cụ thể:

Tài sản chị Ng được chia như sau:

- Thửa đất 177, diện tích 4.863,8 m², tờ bản đồ số 49, trị giá thành tiền 364.785.000 đồng, trên đất có 220 cây cao su trị giá 55.000.000 đồng; tổng cộng 419.785.000 đồng;
- Thửa đất 384, diện tích 2.801 m², tờ bản đồ số 49, trị giá thành tiền 210.075.000 đồng, trên đất có 170 cây cao su trị giá 42.500.000 đồng; tổng cộng 252.575.000 đồng;
- Thửa đất 365 (165), diện tích 2006,8 m², tờ bản đồ số 49, trị giá thành tiền 150.510.000 đồng, trên đất có 88 cây cao su trị giá 22.000.000 đồng; tổng cộng 172.510.000 đồng;
- Thửa đất 595 (11), diện tích 982 m², tờ bản đồ số 58, trị giá thành tiền 88.380.000 đồng, trên đất có 50 cây cao su trị giá 12.500.000 đồng; tổng cộng 100.880.000 đồng;

- Thừa đất 41, diện tích 527,1 m², tờ bản đồ số 58, trị giá thành tiền 1.945.350.000 đồng, trên đất có nhà, công trình phụ, cây lâu năm trị giá 700.000.000 đồng; tổng cộng 2.645.350.000 đồng;

- 100.000.000 đồng tiền bán xe ô tô;

- Vật dụng trong nhà 27.500.000 đồng + (tiền chênh lệch 6.550.000 đồng anh Đ giao lại) tổng cộng 34.050.000 đồng.

Tổng cộng trị giá tài sản chị Ng được chia là 3.725.100.000 đồng; chị Ng thanh toán cho anh Đ số tiền 1.128.140.000 đồng, chị Ng còn lại 2.597.010.000 đồng.

Tài sản anh Đ được chia như sau:

- Thừa đất 177, diện tích 5.085 m², tờ bản đồ số 49, trị giá thành tiền 381.375.000 đồng, trên đất có 220 cây cao su trị giá 55.000.000 đồng; tổng cộng 436.375.000 đồng;

- Thừa đất 384, diện tích 2813,7 m², tờ bản đồ số 49, trị giá thành tiền 211.027.500 đồng, trên đất có 170 cây cao su trị giá 42.500.000 đồng; tổng cộng 253.527.500 đồng;

- Thừa đất 365 (165), diện tích 1988,2 m², tờ bản đồ số 49, trị giá thành tiền 149.115.000 đồng, trên đất có 88 cây cao su trị giá 22.000.000 đồng; tổng cộng 171.115.000 đồng;

- Thừa đất 595 (11), diện tích 991,3 m², tờ bản đồ số 58, trị giá thành tiền 89.217.000 đồng, trên đất có 50 cây cao su trị giá 12.500.000 đồng; tổng cộng 101.717.000 đồng;

- Tiền bán xe ô tô 100.000.000 đồng;

- Vật dụng trong nhà 40.600.000 đồng (trừ tiền chênh lệch 6.500.000 đồng thanh toán cho chị Ng) còn 34.100.000 đồng.

Chị Dương Thị Ng có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền chênh lệch chia tài sản chung cho anh Nguyễn Thành Đ số tiền 1.128.140.000 (một tỷ một trăm hai mươi tám triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng gồm: (40% giá trị đất và 50% giá trị nhà và tài sản trên đất tại căn nhà).

Tổng cộng trị giá tài sản anh Đ được chia là 2.224.924.500 đồng.

[4] Với phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh; sửa một phần bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: do sửa án sơ thẩm nên án phí sơ thẩm được tính toán lại như sau:

[5.1] Tổng số tài sản chị Ng được chia là 2.597.010.000 đồng, chị Ng phải chịu án phí là 72.000.000 đồng + (597.010.000 đồng x 2%) = 83.940.200 đồng, viết tròn số 83.940.000 đồng.

[5.2] Tổng số tài sản anh Đ được chia là 2.224.924.500 đồng, anh Đ phải chịu án phí là 72.000.000 đồng + (224.924.500 đồng x 2%) = 76.498.490 đồng. Ngoài ra anh Đ phải chịu án phí của số tiền hoàn trả cho chị Ng (235.337.349 đồng x 5%) = 11.766.867 đồng. Hai khoản án phí anh Đ phải chịu là 88.266.357 đồng, viết tròn số là 88.265.357 đồng, viết tròn số là 88.265.000 đồng.

[6] Án phí phúc thẩm: do án bị sửa các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH.

[7] Về số tiền chi phí tố tụng: tiền đo đạc, thẩm định, định giá tài sản là 32.000.000 đồng, chị Ng và anh Đ mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ = 16.000.000 đồng. Chị Ng tạm ứng thanh toán xong nên anh Đ phải hoàn trả cho chị Ng số tiền 16.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Thành Đ.

Sửa một phần Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2022/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu.

- Căn cứ vào các Điều 27, 33, 37, 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 219, 288 của Bộ luật Dân sự; Điều 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với tài sản là Quyền sử dụng đất tại thửa số 489 tờ bản đồ số 59 diện tích 16.600,3 m² đất tọa lạc tại xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Ng về chia tài sản sau ly hôn đối với anh Nguyễn Thành Đ.

2.1. Chia anh Nguyễn Thành Đ được quyền sử dụng và sở hữu các tài sản gồm:

- Diện tích đất 5.085 m² thuộc một phần thửa 177, tờ bản đồ số 49, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm khác, tứ cận: Đông giáp thửa số 178, dài 55,75; thửa số 88, dài 4,55m; Tây giáp đường đất dài 56,47m; Nam giáp đất chị Ng được chia, dài 83,78m; Bắc giáp thửa số 384, dài 94,16m; trên đất có 220 cây cao su, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: CS00115, ngày

28/9/2016, do anh Nguyễn Thành Đ, chị Dương Thị Ng đứng tên người sử dụng đất.

- Diện tích đất 2.813,7 m² thuộc một phần thửa 384, tờ bản đồ số 49, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, tứ cận: Đông giáp thửa số 88 dài 30,29m; Tây giáp đường đất dài 29,58m; Nam giáp thửa số 177 dài 94,16m; Bắc giáp đất chị Ng được chia dài 93,76m; trên đất có 170 cây cao su, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: CS00138, ngày 05/10/2016, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho anh Nguyễn Thành Đ, chị Dương Thị Ng đứng tên người sử dụng đất.

- Diện tích đất 1.988,20 m² thuộc một phần thửa 165, tờ bản đồ số 25 (nay là thửa số 565, tờ bản đồ số 49) mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm khác, tứ cận: Đông giáp đường đất, dài 44,80m; Tây giáp thửa số 564, dài 44,80m; Nam giáp thửa số 188, dài 44,19m; Bắc giáp đất chị Ng được chia, dài 44,19m; trên đất có 88 cây cao su theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01422, ngày 02/5/2007, do anh Nguyễn Thành Đ, chị Dương Thị Ng đứng tên người sử dụng đất.

- Diện tích đất 991,3m² thuộc một phần thửa 595, tờ bản đồ số 29, (thửa mới số 11, tờ bản đồ số 58), mục đích sử dụng là đất cây lâu năm khác, tứ cận: Đông giáp thửa số 12, dài 46,72m; Tây giáp đất chị Ng được chia dài 46,17m; Nam giáp đường đất dài 22,04m; Bắc giáp thửa số 9 dài 10,22m; thửa số 10 dài 10,32m; trên đất có 50 cây cao su theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02063...332/QĐ-UB, ngày 26/5/2008, do anh Nguyễn Thành Đ, chị Dương Thị Ng đứng tên người sử dụng đất.

2.2. Anh Đ được sở hữu các vật dụng gồm: 01 máy điều hòa (máy lạnh) 01 ngựa, hiệu LG,; 01 dàn karaoke gồm: 02 loa, 01 âm ly, micro; 01 tivi 32 inch, hiệu TOSHIBA; 01 máy giặt hiệu TOSHIBA, 07kg; 01 giường bằng gỗ cây tràm, có kích thước Ngng 1,6m, dài 2,2m; 01 tủ đựng tivi bằng gỗ ván ép, có kích thước ngang 2,2m, cao 2,3m; 01 bộ bàn ghế salon bằng gỗ gồm: 01 bàn, 01 băng ghế dài, 02 cái ghế dựa, 02 cái ghế (không có tựa lưng); 01 xe mô tô nhãn hiệu ANGEL biển số 70F9-9666.

2.3. Buộc anh Nguyễn Thành Đ có nghĩa vụ giao cho chị Dương Thị Ng được quyền sử dụng các phần đất và sở hữu tài sản trên đất gồm:

- Diện tích đất 4.863,8 m² thuộc một phần thửa 177, tờ bản đồ số 49, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm khác, tứ cận: Đông giáp thửa số 178 dài 60,20m; Tây giáp đường đất dài 56,40m; Nam giáp thửa số 186 dài 40,40m; thửa số 185 dài 24,50m; thửa số 184 dài 9,58m; thửa số 183 dài 9,30m; Bắc giáp đất anh Đ được chia dài 83,78m; trên đất có 220 cây cao su, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: CS00115, ngày 28/9/2016, do anh Nguyễn Thành Đ, chị Dương Thị Ng đứng tên người sử dụng đất.

- Diện tích đất 2.801 m² thuộc một phần thửa 384, tờ bản đồ số 49, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, tứ cận: Đông giáp thửa số 88 dài 30,28m; Tây giáp đường đất dài 29,59m; Nam giáp đất anh Đ được chia dài 93,76m; Bắc giáp thửa số 87 dài 93,36m; trên đất có 170 cây cao su theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: CS00138, ngày 05/10/2016, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho do anh Nguyễn Thành Đ, chị Dương Thị Ng đứng tên người sử dụng đất.

- Diện tích đất 2.006,8 m² thuộc một phần thửa 165, tờ bản đồ số 25 (nay là thửa số 565, tờ bản đồ số 49) mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm khác, tứ cận: Đông giáp đường đất dài 44,80m; Tây giáp thửa số 564 dài 44,80m; Nam giáp đất anh Đ được chia dài 44,60m; Bắc giáp thửa số 343 dài 45,02m; trên đất có 88 cây cao su theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01422, ngày 02/5/2007, do anh Nguyễn Thành Đ, chị Dương Thị Ng đứng tên người sử dụng đất.

- Diện tích đất 982 m² thuộc một phần thửa 595, tờ bản đồ số 29, (thửa mới số 11, tờ bản đồ số 58), mục đích sử dụng là đất cây lâu năm khác, tứ cận: Đông giáp đất anh Đ được chia dài 46,17m; Tây giáp thửa số 6 dài 45,62m; Nam giáp đường đất dài 22,04m; Bắc giáp thửa số 7 dài 03m; thửa số 8 dài 6,02m; thửa số 9 dài 11,49m; trên đất có 50 cây cao su theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02063...332/QĐ-UB, ngày 26/5/2008, do anh Nguyễn Thành Đ, chị Dương Thị Ng đứng tên người sử dụng đất.

- Diện tích 527,1 m², thửa đất 41, tờ bản đồ số 58, mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm, tứ cận: Đông giáp thửa số 40 dài 44,65m; Tây giáp thửa số 42 dài 44,74m; Nam giáp đường ĐT 795 dài 11,79m; Bắc giáp thửa số 45 dài 11,80m; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: CS00773, ngày 19/5/2017, do anh Nguyễn Thành Đ, chị Dương Thị Ng đứng tên người sử dụng đất, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4, nền gạch bông, cửa sắt, lợp tol, diện tích 207 m²; 01 mái che tự chế bằng sắt, lợp tol, diện tích 19,8m²; 01 hàng rào phần chân xây gạch cao 0,4m, phía trên là khung sắt cao 2,2m, chiều dài 11,79m diện tích 30,6m²; 01 tường rào xây gạch cao 1,8m x chiều dài 44,74m diện tích 80,53m²; 01 cây xoài trên 10 năm tuổi; 01 cây dừa đang có trái; 01 cây sầu riêng 07 năm tuổi; 01 cây vú sữa 04 năm tuổi; 10 cây cao kiểng.

Tất cả các phần đất đều tọa lạc tại ấp X, xã S D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo). Tất cả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện do anh Đ giữ.

Chị Ng, anh Đ căn cứ quyết định của bản án này có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký, tách thửa, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các phần đất được Tòa án phân chia theo quy định của Luật Đất đai.

2.4. Buộc anh Nguyễn Thành Đ có nghĩa vụ giao cho chị Dương Thị Ng được sở hữu tài sản trong nhà gồm: 01 máy điều hòa (máy lạnh) 01 ngựa, hiệu

LG; 01 dàn máy vi tính gồm: loa, máy tính, bàn phím, chuột máy tính; 01 tivi 32 inch, hiệu TOSHIBA; 01 tủ lạnh hiệu TOSHIBA, dung tích 120 lít; 01 tủ quần áo ngang 1,8 mét, cao 2,3 mét bằng gỗ ván; 01 tủ đựng tivi ngang 2,2 mét, cao 2,2 mét bằng gỗ ván; 01 giường gỗ tràm ngang 2,2 mét, cao 2,2 mét bằng gỗ ván; 01 giường gỗ tràm ngang 2,2 mét, cao 2,2 mét bằng gỗ ván; 01 bộ bàn ăn bằng inox mặt kính ngang 0,8 mét, dài 2,2 mét cùng 06 ghế dựa; 01 bộ bàn ghế dài bằng gỗ sò ngang 0,9 mét, dài 2,2 mét và 08 ghế bằng gỗ; 01 bồn chứa nước bằng inox 1.500 lít; 01 máy nước nóng năng lượng mặt trời 130 lít.

2.5. Buộc anh Nguyễn Thành Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị Ng khoản chênh lệch chia vật dụng trong nhà số tiền là 6.550.000 (sáu triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng (1).

2.6. Buộc anh Nguyễn Thành Đ có nghĩa vụ chia cho chị Dương Thị Ng số tiền bán xe ô tô Toyota biển số 70A – 07016 là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng (2).

2.7. Buộc anh Nguyễn Thành Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Dương Thị Ng khoản tiền chị Ng đã thanh toán hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Vietcombank là 235.337.349, viết tròn là 235.337.000 (hai trăm ba mươi lăm triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn) đồng, trong đó tiền gốc vay 225.000.000 đồng tiền lãi là 10.337.349 đồng (3).

2.8. Buộc anh Nguyễn Thành Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Dương Thị Ng số tiền 16.000.000 đồng tiền chi phí đo đạc định giá tài sản (4).

2.9. Buộc chị Dương Thị Ng có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền chênh lệch chia tài sản chung cho anh Nguyễn Thành Đ số tiền 1.128.140.000 (một tỷ một trăm hai mươi tám triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng (5).

* Khấu trừ các khoản thanh toán qua lại giữa chị Ng và anh Đ là $(5) - (1 + 2 + 3 + 4) = 1.128.140.000 \text{ đồng} - (6.550.000 \text{ đồng} + 100.000.000 \text{ đồng} + 235.337.349 \text{ đồng} + 16.000.000 \text{ đồng}) = 770.252.651 \text{ đồng}$. Như vậy chị Dương Thị Ng còn phải thanh toán cho anh Nguyễn Thành Đ số tiền là 770.252.651 đồng, viết tròn số là 770.252.000 đồng (bảy trăm bảy mươi triệu hai trăm năm mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc chị Dương Thị Ng phải chịu số tiền 83.940.000 đồng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ng đã nộp 18.250.000 đồng theo Biên lai thu số 0000702 ngày 01/6/2020 và Biên lai thu số 0001323, ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Chị Ng còn phải tiếp tục nộp số tiền 65.690.000 (bảy mươi triệu sáu trăm chín mươi nghìn).

3.2. Buộc anh Nguyễn Thành Đ phải chịu hai khoản án phí là 88.265.000 đồng (tám mươi tám triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: các đương sự không phải chịu, hoàn trả anh Nguyễn Thành Đ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0007294 ngày 17/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND h. Tân Châu;
- CCTHADS h. Tân Châu;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Tâm